**Nhóm 1: Người lao động**

**Câu hỏi 1.** *Đề nghị hướng dẫn rõ lao động tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ ?*

Trả lời:

- Người làm nghề masages, xoa bóp y học, châm cứu không có địa điểm làm việc cố định.

- Người lao động làm việc tại các hộ kinh doanh có đăng ký hoạt động xoa bóp y học, masages, châm cứu.

**Câu hỏi 2.** *Đề nghị hướng dẫn rõ lao động tự làm hoặc làm trong hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống ?*

Trả lời:

Là người lao động tự làm hoặc làm trong hộ kinh doanh dịch vụ:

1. Lưu trú gồm:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn; căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự);

- Cơ sở lưu trú khác (ký túc xá học sinh, sinh viên; chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm; cơ sở lưu trú khác).

2. Ăn uống gồm:

- Nhà hàng, quán ăn, quán ăn tự phục vụ, quán ăn nhanh, cửa hàng bán đồ ăn mang về, hàng ăn uống trên phố, trong chợ, xe bán hàng ăn uống lưu động.

- Quán rượu, bia, quầy bar; quán cá phê, giải khát; dịch vụ phục vụ đồ uống khác.

**Câu hỏi 3**: *Đối tượng người lao động tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương thì doanh nghiệp lập danh sách đề nghị hỗ trợ 1.800.000 đồng/tháng kèm theo báo cáo tài chính 2019, quý I/2020. Việc thẩm định điều kiện doanh nghiệp không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương thực hiện như thế nào?*

Trả lời:

Đối với trường hợp này, khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn (cơ quan tài chính, cơ quan thuế) tham mưu xác nhận doanh nghiệp không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương (sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng tiền lương, nguồn lợi nhuận sau thuế và các nguồn tài chính hợp pháp khác của doanh nghiệp, số dư đến ngày 31 tháng 3 năm 2020).

**Câu hỏi 4.** *Đề nghị hướng dẫn rõ về lao động làm bốc vác, vận chuyển hàng hoá?*

**Trả lời:**

- Người làm công việc bốc vác hàng hoá tại các ga đường sắt, cảng sông, cảng biển, cảng hàng không và tại các chợ.

- Người thực hiện vận chuyển hàng hoá bằng xe thô sơ, xe môtô 2 bánh, xe xích lô, xe bagac, xe đẩy tại các chợ, các ga đường sắt, cảng sông, cảng biển và cảng hàng không.

**Câu hỏi 5:** *Người lao động tự do bị mất việc làm do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng vẫn có đất nông nghiệp thì có được hỗ trợ không?*

**Trả lời:**

Điều kiện về không có đất nông nghiệp không phải là tiêu chí bắt buộc trong điều kiện hưởng hỗ trợ của người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm. Người lao động có đất nông nghiệp vẫn được xem xét hỗ trợ nếu đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

**Câu hỏi 6**. *Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động cho doanh nghiệp, có đóng bảo hiểm xã hội tháng 4/2020, bị nghỉ việc không hưởng lương 3 tháng từ ngày 01/5/2020 có thuộc đối tượng được hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/tháng không?*

**Trả lời**

Trường hợp này người lao động được xét hưởng hỗ trợ trong tháng 5 và tháng 6 theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và Nghị quyết số 42/NQ-CP.

***Câu hỏi 7.*** *Một trong các điều kiện xét hưởng hỗ trợ mức 1.800.000 đồng/người/tháng là có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng liên tục trở lên, vậy 01 tháng được tính 30, 31 ngày theo lịch hay số ngày làm việc trong 1 tháng?*

***Trả lời***

01 tháng ở đây được tính là 30 ngày liên tục, tính từ ngày bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (không tính theo ngày làm việc theo hợp đồng lao động).

***Câu hỏi 8.*** *Người lao động thỏa thuận với người sử dụng lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương do doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch Covid-19 từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/5/2020. Vào ngày 20/4/2020, hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/5/2020. Vậy người lao động có được hưởng chính sách hỗ trợ nào theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg?*

 ***Trả lời:***

1. Đối với thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương từ 1/4/2020 đến hết ngày hết 30/4/2020 là đủ 01 tháng liên tục thì người lao động thuộc đối tượng xét hưởng hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

2. Đối với việc chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/5/2020, trường hợp người lao động không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp thì được xem xét hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

 **Câu hỏi 9*.*** *Người lao động bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 5 năm 2020 và vẫn trong thời hạn hợp đồng lao động thì có thuộc đối được tượng hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/tháng?*

***Trả lời:***

Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg quy định điều kiện “thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 01 tháng 6 năm 2020”, do đó trường hợp có thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương vào thời điểm trước ngày 01 tháng 4 năm 2020 không thuộc đối tượng hỗ trợ của Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và Nghị quyết số 42/NQ-CP.

**Nhóm 2: Người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc
cho người lao động**

 **Câu hỏi 1.** *Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh (có trên 10 lao động) gặp khó khăn do đại dịch Covid- 19, phải ngừng sản xuất kinh doanh thì có được hỗ trợ cho vay vốn theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg để tiếp tục sản xuất kinh doanh không?*

**Trả lời**: Trong Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg không có chính sách hỗ trợ vay vốn để sản xuất kinh doanh, chỉ có chính sách vay vốn để trả lương ngừng việc cho người lao động.

 **Câu hỏi 2.** *Doanh nghiệp phải ngừng việc do dịch Covid- 19, có 15/15 người lao động phải ngừng việc, có ký hợp đồng lao động với người lao động, người lao động có tham gia bảo hiểm y tế, nhưng không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (vì doanh nghiệp nhỏ, không đủ khả năng cho người lao động tham gia BHXH bắt buộc), từ tháng 4 năm 2020, doanh nghiệp phải đóng cửa, không có nguồn thu nào. Doanh nghiệp có được hỗ trợ vay vốn để trả lương ngừng việc cho người lao động không?*

**Trả lời**: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định 15/2020/QĐ-TTg, điều kiện để người sử dụng lao động được hỗ trợ vay vốn trả lương ngừng việc là danh sách lao động bị ngừng việc phải có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc người lao động đang tham gia BHXH bắt buộc trước thời điểm ngừng việc. Vì người lao động của doanh nghiệp không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nên doanh nghiệp không đủ điều kiện được vay vốn trên./.

**Nhóm 3. Hộ kinh doanh**

**Câu hỏi**. *Hộ kinh doanh thì chỉ cần có bản sao kê khai thuế (dưới 100 triệu) và thuộc nhóm nghề kinh doanh do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu ngừng kinh doanh là đủ điều kiện nhận hỗ trợ theo Nghị quyết 42/NQ-CP, mặc dù gia đình khá giả, nhà xây mọi thứ đầy đủ, thậm chí là hộ khá trong khu vực có phải không?*

Trả lời:

Hộ kinh doanh đảm bảo đủ điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và có hồ sơ đề nghị hỗ trợ thì được xem xét hỗ trợ.

Việc thẩm định, phê duyệt danh sách các đối tượng được hỗ trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đảm bảo các nguyên tắc theo Nghị quyết số 42/NQ-CP, đặc biệt là nguyên tắc hỗ trợ đối tượng bị giảm sâu thu nhập, mất, thiếu việc làm, gặp khó khăn, không đảm bảo mức sống tối thiểu, chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

**Nhóm 4. Người có công với cách mạng**

**Câu hỏi 1**. *Tôi là thương binh đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, tôi hiện đang còn công tác, tôi có được hỗ trợ không?*

Trả lời: Thương binh đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng (theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng) thuộc đối tượng được hỗ trợ, nơi chi trả trợ cấp hàng tháng là nơi chi hỗ trợ cho đối tượng.

**Câu hỏi 2.** *Tôi là người có công với cách mạng đang hưởng lương hưu, không được trợ cấp ưu đãi hàng tháng, tôi có được hỗ trợ không?*

Trả lời:

Người có công không hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng thì không thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

**Câu hỏi 3.** *Người tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, Huy chương kháng chiến có được hỗ trợ không?*

**Trả lời:** Người tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, Huy chương kháng chiến thuộc đối tượng hưởng trợ cấp một lần, không thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

**Câu hỏi 4.** *Thanh niên xung phong có được hỗ trợ không?*

**Trả lời**: Thanh niên xung phong không thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

**Câu hỏi 5.** *Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có được hỗ trợ không?*

**Trả lời:** Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

**Câu hỏi 6.** *Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác có được hỗ trợ không?*

**Trả lời:** Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác không thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

**Câu hỏi 7.** *Tôi là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng nhưng chưa thấy địa phương yêu cầu làm thủ tục, vậy tôi có được hỗ trợ không, tôi có phải làm thủ tục đề nghị hỗ trợ không?*

**Trả lời**: Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng thuộc đối tượng hỗ trợ. Đối tượng này không cần làm thủ tục đề nghị hỗ trợ, địa phương căn cứ danh sách chi trả trợ cấp hàng tháng để rà soát, lập danh sách chi trả cho đối tượng.

**Câu hỏi 8**. *Tôi là người có công với cách mạng, hàng tháng không có lương, tôi có được hỗ trợ không?*

**Trả lời:** Người không thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng thì không thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

**Câu hỏi 9.** *Thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng chế độ tử tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng (tuất hưu trí) có được hỗ trợ không?*

**Trả lời**: Thân nhân người có công đang hưởng tuất hưu trí không thuộc đối tượng được hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

**Nhóm 5. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo**

**Câu hỏi 1:** *Nhà tôi là hộ nghèo/hộ cận nghèo, hiện nay nghe thông tin trên đài báo có gói hỗ trợ của Chính phủ 62 ngàn tỷ đồng nhưng sao nhà tôi chưa được lập danh sách?*

**Trả lời:** Theo quy định hiện hành, căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, xác định người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (tính đến đến ngày 31/12/20200); lập danh sách, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Do vậy, để được giải đáp cụ thể, đề nghị ông/bà liên hệ trực tiếp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

**Câu hỏi 2.** *Tôi nghe trên đài, báo mỗi gia đình hộ nghèo/hộ cận nghèo được hỗ trợ 01 triệu đồng do ảnh hưởng COVID-19 có đúng không?*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, mức hỗ trợ cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia trong danh sách đến ngày 31/12/2019 được hỗ trợ 250.000 đồng/khẩu/tháng (không tính theo hộ gia đình mà tính theo từng khẩu trong gia đình đó). Thời gian áp dụng là 03 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

Trường hợp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ban hành chuẩn nghèo riêng thì áp dụng chuẩn nghèo địa phương.

**Câu hỏi 3.** *Việc hỗ trợ cho thành viên hộ nghèo/hộ cận nghèo do COVID 19 có phải trẻ con dưới 15 tuổi không được hỗ trợ (chỉ hỗ trợ cho người lớn) không?*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, việc hỗ trợ không phân biệt độ tuổi; các thành viên thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo đủ điều kiện đều được hỗ trợ theo quy định.

**Câu hỏi 4.** *Tôi là thành viên hộ nghèo vừa là lao động tự do mất việc làm vậy tôi có được hỗ trợ cả hai thứ hay không?*

 **Trả lời:**

 1. Theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, trường hợp đối tượng thuộc diện được hưởng từ 02 chính sách trở lên thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất. Do vậy, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

2. Trường hợp người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ĐÃ NHẬN CHI TRẢ MỘT LẦN theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg thì KHÔNG ĐƯỢC XEM XÉT giải quyết các chế độ chính sách khác quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

(Theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng hỗ trợ 03 tháng (từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020) và ĐƯỢC CHI TRẢ MỘT LẦN. Nghị quyết không có quy định về việc điều chỉnh đối tượng nhận chế độ hỗ trợ).

**Câu hỏi 5**. *Tôi là mẹ đơn thân nuôi 02 con nhỏ thuộc hộ nghèo thì chế độ hỗ trợ được nhận như thế nào?*

**Trả lời:**

Trường hợp này, người mẹ thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, hai con là đối tượng thuộc hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia trong danh sách đến ngày 31 tháng 12 năm 2019). Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho đối tượng, người mẹ được hỗ trợ theo đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg là 500.000 đồng/người/tháng. Hai con nhỏ (nếu có tên trong danh sách hộ nghèo đến ngày 31 tháng 12 năm 2019) được hưởng mức hỗ trợ quy định đối với người thuộc hộ nghèo là 250.000 đồng/người/tháng.Thời gian hỗ trợ là 03 tháng, được chi trả 01 lần theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP.

**Nhóm 6. Đối tượng bảo trợ xã hội**

**Câu hỏi 1.** *Người cao tuổi hưởng trợ cấp tử tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng thì có được nhận hỗ trợ theo Nghị quyết 42/NQ-CP không?*

**Trả lời:** Người cao tuổi đang hưởng trợ cấp tử tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng không phải là đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP. Do vậy, trường hợp này không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 42/NQ-CP.

**Câu hỏi 2:** *Trường hợp đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo, theo quy định của Nghị quyết 42/NQ-CP, Quyết định 15/2020/QĐ-TTg thì giải quyết hỗ trợ như thế nào?*

**Trả lời:**

Trường hợp này đối tượng thuộc diện hưởng hai chính sách hỗ trợ, theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất. Mức hỗ trợ theo đối tượng bảo trợ xã hội cao hơn mức hỗ trợ theo người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Do đó, để bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho đối tượng, địa phương thực hiện rà soát cho đối tượng hưởng chế độ theo đối tượng bảo trợ xã hội.

**Câu hỏi 3:** *Theo quy định tại Nghị quyết 42/NQ-CP, Quyết định 15/20202/QĐ-TTg của Chính phủ thì đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, trong danh sách hưởng trợ cấp tháng 4/2020 được hỗ trợ bao gồm những đối tượng nào?*

**Trả lời:**

Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, có tên trong danh sách hưởng trợ cấp tháng 4/2020 được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể gồm:

1. Trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng; từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất.

2. Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.

4. Người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; có chồng hoặc vợ đã chết; có chồng hoặc vợ mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 tuổi đến 22 tuổi nhưng người con đó đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo đang nuôi con).

5. Người cao tuổi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;

b) Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại Điểm a Khoản này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;

c) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.

6. Người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.